

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số:193/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Phan Thị L**, sinh năm 1978

HKTT: Khu 3, xã Dị Nậu, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 7, xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: **Anh Tạ Duy Đ**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 3, xã Dị Nậu, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phan Thị L và anh Tạ Duy Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Phan Thị L và anh Tạ Duy Đ xác nhận vợ chồng có 04 con chung:

- Tạ Thị Thùy L, sinh ngày 05/12/2000;
- Tạ Thị Ngọc L, sinh ngày 12/6/2004;
- Tạ Thị Huyền T, sinh ngày 20/3/2012;
- Tạ Thị Anh T, sinh ngày 17/9/2014.

Chị L và anh Đ xác nhận cháu L đã trưởng thành lao động tự túc được nên anh chị không đề nghị giải quyết.

Chị L và anh Đ thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao con chung cho thành niên là cháu Tạ Thị Ngọc L, Tạ Thị Huyền T, Tạ Thị Anh T cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L tự nguyện không yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị L, anh Đ xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng; Về nợ và cho vay nợ; Về công sức đóng góp: Chị L, anh Đ đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị L tự nguyện xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn Đ) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn Đ) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0002918 ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị L 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn Đ) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Huyền